

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị T; Sinh năm: 1985

HKTT: Thôn 2, xã K, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn R, xã M, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038185009660

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S; Sinh năm: 1986

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn 2, xã K, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038086026734

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Quách Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau từ năm 2017, sau đó làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N (nay là xã M, tỉnh Thanh Hóa) ngày 05/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh M, sinh ngày 04/04/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu M do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2025, anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Quách Thị T có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về tài sản và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 04/04/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Chị Quách Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Nguyễn Văn S, anh S cư trú tại xã K, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh S vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh S và đã thông báo kết quả phiên họp cho anh Sơn theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, chị T và anh S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh S.

[6]. Về hôn nhân: Chị Quách Thị T và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau từ năm 2017, sau đó làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N (nay là xã M, tỉnh Thanh Hóa) ngày 05/02/2020. Việc kết hôn giữa chị T và anh S là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên phát sinh cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị T và anh S đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị T và anh S đều thừa nhận và được các cấp chính quyền xã K xác nhận. Nay cả chị T và anh S đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Quách Thị T và anh Nguyễn Văn S được ly hôn.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Ly hôn, cả chị T và anh S đều đề nghị giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu M luôn ở với mẹ, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T và anh S, giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[8]. Về tài sản: Chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị T và anh Nguyễn Văn S được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 04/04/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Quách Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7-Thanh Hóa, theo biên lai số: *BLTU/25E/0001318*; Ngày 09/10/2025. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Quách Thị T và anh Nguyễn Văn S. Chị T và anh S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7-Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc